

Số: /BC-STNMT

Hà Tĩnh, ngày tháng 9 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý III năm 2021**

Thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ; Văn bản số 127/VP-PC<sub>1</sub> ngày 01/3/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ;

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý III năm 2021, cụ thể như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**

##### **1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: không.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: không.

##### **2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL**

Tổng số TTHC và tổng số văn bản QPPL trong kỳ báo cáo do bộ, cơ quan mình chủ trì thực hiện việc thẩm định: không.

##### **3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC**

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 01 Quyết định
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: không
- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 05 TTHC; trong đó số TTHC được công khai: 05 TTHC.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của ngành tính đến thời điểm báo cáo: 140 TTHC; trong đó số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 103 TTHC.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 103 TTHC; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 103 TTHC; số TTHC do địa phương quy định: 103 TTHC.

#### **4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC**

Trong quý III năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch (Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của bộ, cơ quan/UBND cấp tỉnh): không.

- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 05 TTHC.

- Phương án đơn giản hóa cụ thể: số TTHC giữ nguyên: 98 TTHC; số TTHC bãi bỏ: 0 TTHC; số TTHC sửa đổi, bổ sung: 05 TTHC; số TTHC thay thế: 0; số TTHC liên thông: 70 TTHC; số TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử: 59 TTHC.

- Số tiền tiết kiệm được: trong quý III/2021 chưa có.

- Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được: trong quý III/2021 chưa có.

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa: 70%, dự kiến hoàn thành hết tháng 9/2021.

#### **5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC**

Trong quý III năm 2021, Sở không nhận được phản ánh, kiến nghị nào của các tổ chức, cá nhân về quy định hành chính và TTHC. Các trường hợp thắc mắc của cá nhân phản ánh trực tiếp qua trao đổi với công chức tiếp nhận hồ sơ đều được giải đáp một cách thấu đáo, hợp tình hợp lý và đúng quy định.

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: Không

#### **6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 401 hồ sơ (trực tuyến: 133 hồ sơ); số từ kỳ trước chuyển qua: 115 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 258 hồ sơ (trong đó: giải quyết trước hạn: 203 hồ sơ, đúng hạn: 55 hồ sơ, quá hạn: 0 hồ sơ), 132 hồ sơ chờ bổ sung và 45 hồ sơ trả không giải quyết.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 81 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 81 hồ sơ, quá hạn: 0 hồ sơ.

## **7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC**

Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Bố trí một công chức “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Công bố, công khai TTHC trên cổng dịch vụ công tỉnh, Cổng Thông tin điện tử của Sở; niêm yết danh mục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Công chức tại bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC” luôn thực hiện nghiêm túc Quy chế một cửa, hướng dẫn tổ chức, người dân tận tình; tiếp nhận hồ sơ đúng, đủ, linh động, xử lý hồ sơ đúng quy trình, nhanh gọn; trả kết quả đúng thời hạn, đúng thủ tục; tạo niềm tin trong nhận dân vào cơ quan hành chính nhà nước, phát huy tính dân chủ trong nhân dân.

## **8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử**

- Quán triệt, triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Thực hiện quy trình tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết TTHC qua phần mềm dịch vụ công tỉnh.

- Đến nay Sở đã công bố danh mục 37 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 22 dịch vụ công mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Hiện tại Sở đang rà soát TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

## **9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

Tiếp tục quan tâm đến công tác tuyên truyền, phổ biến về CCHC, kiểm soát TTHC tới các phòng, đơn vị trực thuộc qua phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Cổng thông tin điện tử của Sở và lồng ghép vào các cuộc giao ban định kỳ tại Sở.

## **10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC: Không**

## **11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các phòng chuyên môn chú trọng công tác rà soát, kiểm soát TTHC theo Kế hoạch đề ra và khi có Quyết định công bố TTHC của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo thực hiện kịp thời, đúng thời gian quy định.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Sở Tài nguyên và Môi trường đã kịp thời rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục và Quy trình thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường trong lĩnh vực Khí tượng thủy văn, Tài nguyên nước, Biển và Hải đảo để có cơ sở triển khai thực hiện. Duy trì niềm yết công khai TTHC theo đúng quy định; giải quyết các TTHC đúng thời hạn, không có hồ sơ giải quyết chậm; đồng thời thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền về kiểm soát TTHC tới cán bộ, công chức và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Hồ sơ thủ tục hành chính tương đối nhiều, nhiều cán bộ làm công tác chuyên môn phải làm thêm giờ mới đảm bảo thời gian và hiệu quả công việc;

- Lực lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực đất đai, môi trường tại một số địa phương còn mỏng, chuyên môn còn hạn chế, do vậy trong quá trình áp dụng luật và văn bản dưới luật còn gặp khó khăn.

- Một số thủ tục không đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 (lý do: một số kết quả phải xác nhận sau hồ sơ đề nghị phê duyệt; việc chứng nhận đăng ký biến động sau giấy chứng nhận như: giao dịch bảo đảm, chuyển nhượng, cho thuê, đổi tên...).

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO**

1. Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021. Tập trung rà soát, đánh giá, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC theo Kế hoạch và cập nhật đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường được UBND tỉnh công bố lên Cổng Thông tin điện tử.

2. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả các TTHC theo đúng quy định.

3. Tuyên truyền về tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

4. Tiếp tục phổ biến, quán triệt những quy định hiện hành về công tác kiểm soát thủ tục hành chính cho công chức, viên chức.

5. Tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực, trách nhiệm, đạo đức công vụ của công chức, viên chức; đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

## **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm, tạo điều kiện bố trí đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Văn phòng Đăng ký đất đai để đảm bảo hoạt động có

hiệu quả, đáp ứng nhu cầu giải quyết hồ sơ thủ tục đất đai cho người dân, doanh nghiệp;

- Đề nghị UBND tỉnh tổ chức tập huấn để triển khai hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho cán bộ kiểm soát TTHC và công nghệ thông tin;

- Đề nghị các Bộ, ngành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để đề xuất sửa đổi, bổ sung cắt giảm các quy định về thủ tục hành chính không cần thiết theo hướng: đơn giản, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát TTHC Quý III năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP, HSKSTTHC.



**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thanh Điện**















	tượng, Thủy văn											
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>516</b>	<b>133</b>	<b>268</b>	<b>115</b>	<b>258</b>	<b>203</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	<b>81</b>	<b>81</b>	<b>0</b>
<b>Lưu ý: Còn lại 177 hồ sơ trong đó: 132 hồ sơ chờ bổ sung và 45 hồ sơ trả không giải quyết</b>												
<b>II</b>	<b>Hồ sơ đất đai nhận qua Trung tâm hành chính công cấp huyện</b>											
1	Hương Khê	1368	0	1350	18	1359	543	816	0	9	9	0
2	Lộc Hà	3029	2	2683	344	2307	0	2307	0	722	722	0
3	Nghi Xuân	1912	0	1747	165	1731	861	870	0	181	181	0
4	Thị xã Kỳ Anh	5510	0	5325	185	3561	3506	55	0	1949	1949	0
5	Huyện Kỳ Anh	3324	8	2824	492	3065	2167	898	0	259	259	0
6	Cẩm Xuyên	5058	0	4953	105	3670	500	3170	0	1388	1388	0
7	Vũ Quang	325	130	148	47	283	0	283	0	42	42	0
8	Hồng Lĩnh	1214	0	886	328	1101	0	1101	0	113	113	0
9	Can Lộc	2572	0	1951	621	1873	1871	2	0	699	699	0
10	Đức Thọ	2298	0	1729	569	1796	1796	0	0	502	502	0
11	Thạch Hà	4454	0	4230	224	4224	4028	196	0	230	230	0
12	Hương Sơn	1491	0	781	710	693	0	693	0	798	798	0
13	Thành phố	1808	0	1509	299	1635	1232	403	0	173	173	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.363</b>	<b>140</b>	<b>30.116</b>	<b>4.107</b>	<b>27.298</b>	<b>16.504</b>	<b>10.794</b>	<b>0</b>	<b>7.065</b>	<b>7.065</b>	<b>0</b>

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT  
QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA  
CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

- Đơn vị báo cáo: Sở Tài nguyên và  
Môi trường

- Đơn vị nhận báo cáo: UBND tỉnh

Kỳ báo cáo: Quý III/Năm 2021

(Từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/9/2021)

Đơn vị tính: TTHC, %

**I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp Xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)+(14)	(12)	(13)	(14)
1	Lĩnh vực Đất đai	28	28			28	28			28	28		
2	Lĩnh vực Môi trường	14	14			14	14			14	14		
3	Lĩnh vực Tài nguyên nước	19	17			19	19			19	19		
4	Lĩnh vực Khoáng sản	16	16			16	16			16	16		
5	Lĩnh vực biển và hải đảo	11	11			11	11			11	11		
6	Lĩnh vực giao dịch bảo đảm	09	09			09	09			09	09		
7	Lĩnh vực	03	03			03	03			03	03		

	Đo đạc bản đồ											
8	Lĩnh vực Khí tượng, Thủy văn	03	03			03	03			03	03	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>103</b>	<b>103</b>			<b>103</b>	<b>103</b>			<b>103</b>	<b>103</b>	

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lĩnh vực Đất đai	0	0		
2	Lĩnh vực Môi trường	0	0		
3	Lĩnh vực Tài nguyên nước	0	0		
4	Lĩnh vực Khoáng sản	0	0		
5	Lĩnh vực biển và hải đảo	0	0		
6	Lĩnh vực giao dịch bảo đảm	0	0		
7	Lĩnh vực Đo đạc bản đồ	0	0		
8	Lĩnh vực Khí tượng, Thủy văn	0	0		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>0</b>	<b>0</b>		

**Biểu số II.08/VPCP/KSTT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: Quý III /Năm 2021**  
(Từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/9/2021)

**- Đơn vị báo cáo:**  
Sở Tài nguyên và Môi trường  
**- Đơn vị nhận báo cáo:**  
UBND tỉnh

*Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.*

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
<b>A</b>	<b>DVCTT DO CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI</b>							
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>							
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Đất đai</b>							
1	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghệ cao, đất Khu Công nghiệp nằm ngoài khu kinh tế do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý							1
2	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đất nằm ngoài Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, đất Khu Công nghiệp nằm ngoài Khu kinh tế do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý							1
3	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp							1

	luật, tự nguyện trả lại đất (gồm: Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất; người sử dụng đất thuê của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất)							
4	Đăng ký đất đai lần đầu nhưng chưa có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất			0	x	x	0	1
5	Đăng ký đất đai đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý			0	x	x	0	1
6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu	x	x	01				1
7	Công nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức đang sử dụng đất nhưng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013		x	0				1
8	Cho thuê đất đối với tổ chức đang sử dụng đất thuộc đối tượng phải chuyển sang thuê đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013							1
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản đồng thời là người sử dụng đất		x	01				1
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất		x	0				1
11	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người		x	0				1



	đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu							
12	Đăng ký, bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	x	x	15				1
13	Xác nhận điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất cho Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở đầu tư xây dựng để bán					x		1
14	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán	x	x	96				1
15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		x	0				1
16	Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng	x	x	0				1
17	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	x	x	0				1
18	Đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp		x	0				1
19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất		x	0				1
20	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	x	x	0				1
21	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu		x					1

	tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty						
22	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	x	x	0			1
23	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		x	0			1
24	Đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà không thay đổi mục đích sử dụng đất	x	x	0			1
25	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề		x	0			1
26	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	x	x	0			1
27	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất						1

28	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm							1
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>							
29	Cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	x	x	0	x	x	0	1
30	Cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại					x	01	1
31	Chứng nhận cơ sở đã hoàn thành việc thực hiện các biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng					x		1
32	Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	x	x	19		x		1
33	Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)							1
34	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường / báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại							1
35	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường					x		1
36	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án					x		1
37	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án					x		1
38	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	x	x	0				1
39	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ							1

	sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)							
40	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản					x	0	1
41	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ							1
42	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học							1
<b>3</b>	<b>Lĩnh vực Đo đạc bản đồ</b>							
43	Thủ tục thẩm định hồ sơ cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ							1
44	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II							1
45	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cho tổ chức, cá nhân trong nước							1
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>							
46	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	x	x	0				1
47	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	x	x	0				1
48	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	x	x	0				1
49	Gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	x	x	0				1
50	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	x	x	0				1

51	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	x	x	0				1
52	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	x	x	0				1
53	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	x	x	0				1
54	Cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác							1
55	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác							1
56	Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ		x	0				1
57	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	x	x	0				1
58	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	x	x	0	x	x	0	1
59	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng bờ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh							1
60	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước					x		1

61	Cấp lại Giấy phép hoạt động tài nguyên nước (Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước)					x	0	1
62	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành					x	0	1
63	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành					x	0	1
64	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước					x	0	1
<b>5</b>	<b>Lĩnh vực Khoáng sản</b>							
65	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.							1
66	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản.	x	x	0				1
67	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.	x	x	0				1
68	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.				x	x	0	1
69	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản.							1
70	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản.							1
71	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.		x	0				1
72	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.							1
73	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản.				x	x	0	1
74	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.							1
75	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	x	x	0				1
76	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.				x	x	0	1
77	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	x	x	0				1

78	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.							1
79	Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình.	x	x	0				1
80	Đăng ký khối lượng cát thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch.							1
<b>6</b>	<b>Lĩnh vực biển và hải đảo</b>							
81	Giao khu vực biển							1
82	Gia hạn Quyết định giao khu vực biển							1
83	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển							1
84	Trả lại khu vực biển							1
85	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh							1
86	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển							1
87	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển							1
88	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển							1
89	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển							1
90	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển							1
91	Công nhận khu vực biển							1
<b>7</b>	<b>Lĩnh vực giao dịch bảo đảm</b>							
92	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)							1
93	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở							1

	hình thành trong tương lai							
94	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận							1
95	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu							1
96	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký							1
97	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký							1
98	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất							1
99	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở							1
100	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất							1
<b>8</b>	<b>Lĩnh vực Khí tượng, Thủy văn</b>							
101	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	x	x	0				1
102	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.				x	x	0	1
103	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.				x	x	0	1
	<b>TỔNG</b>			<b>132</b>			<b>01</b>	
II	<b>CẤP HUYỆN</b>							
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Đất đai</b>							
1	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển			8				



	nhượng QSD đất						
2	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận			26			
3	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận			96			
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất			8			
5	Tách thửa hoặc hợp thửa đất			2			
	<b>TỔNG</b>			<b>140</b>			